

Số ~~2~~/68 /BTP-KHTC

Hà Nội, ngày ~~16~~ tháng 6 năm 2020

V/v xây dựng kế hoạch dự toán
ngân sách nhà nước năm 2021,
kế hoạch tài chính NSNN giai
đoạn 2021-2023

Kính gửi:

- Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ;
- Giám đốc các Ban quản lý dự án, Chương trình thuộc Bộ.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch công tác 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2020

- Đánh giá sơ bộ tình hình thực hiện các nhiệm vụ theo Chương trình hành động của Ngành Tư pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 17/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 84/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc

đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19; các nhóm nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2020 của Bộ Tư pháp.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các nhiệm vụ quan trọng, các chương trình, đề án lớn được giao, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán NSNN

2.1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu NSNN

Căn cứ kết quả ước thu NSNN 06 tháng đầu năm, dự báo triển vọng tình hình thực hiện trong 06 tháng cuối năm, các đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2020 đã được giao; đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu năm 2020 tập trung vào các nội dung sau:

a) Đánh giá, phân tích các nguyên nhân tác động tăng, giảm thu năm 2020 (bao gồm tác động của chế độ, chính sách, đại dịch Covid-19, ...).

b) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/202 và Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ; tình hình triển khai thực hiện các văn bản, chính sách, chế độ thu phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2020.

c) Kết quả thực hiện thu phí, lệ phí, trong đó làm rõ tổng số thu, số thu nộp NSNN, số thu được để lại so với dự toán và sự phù hợp của tỷ lệ phí được để lại 06 tháng đầu năm và ước cả năm 2020.

d) Đánh giá các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí).

2.2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi NSNN

Các đơn vị tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2020 các nội dung sau:

a) Đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi NSNN 06 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2020 theo từng lĩnh vực chi, nhiệm vụ chi được giao; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý; Đánh giá ảnh hưởng do thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP về giảm chi thường xuyên. Ngoài ra, các đơn vị đánh giá một số nội dung sau:

- Các đơn vị quản lý hành chính đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Ngoài ra, Tổng cục Thi hành án dân sự và Văn phòng Bộ đánh giá thêm một số nội dung sau:

+ Tổng cục Thi hành án dân sự đánh giá tình hình thực hiện kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 77/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ tạm ứng cưỡng chế, chi sửa chữa tài sản, chi may sắm trang phục thi hành án, chi bồi thường thiệt hại, chi tinh giản biên chế

+ Văn phòng Bộ đánh giá chi về phục vụ các vụ kiện quốc tế, chi thực hiện hoạt động đối ngoại và chi tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm, chi sửa chữa trụ sở...

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đánh giá giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định quy định chế độ tự chủ trong từng lĩnh vực.

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề đánh giá thêm một số nội dung sau:

+ Kết quả thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg và chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg.

+ Tình hình thực hiện một số Đề án lớn gồm: Đề án xây dựng Học viện Tư pháp thành trường trọng điểm đào tạo chức danh tư pháp theo Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ (Học viện Tư pháp); Đề án đào tạo trọng điểm cán bộ về pháp luật theo Quyết định số 549/QĐ-TTg (Trường Đại học Luật Hà Nội), Đề án đào tạo luật sư hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 123/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Học viện Tư pháp, Cục Bổ trợ Tư pháp); Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ: đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ, tiến độ thực hiện các dự án, đề tài, số lượng các đề tài còn tồn đọng, đã quá hạn, nêu rõ nguyên nhân và hướng xử lý dứt điểm; Đánh giá việc áp dụng các đề tài khoa học đã nghiệm thu vào thực tiễn hoạt động của Bộ và nêu rõ những vướng mắc khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ, cơ chế, chính sách về khoa học công nghệ. Đồng thời đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực khoa học theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường, sự nghiệp đảm bảo xã hội, sự nghiệp kinh tế: đánh giá tiến độ thực hiện theo từng dự án, hiệu quả sử dụng kinh phí và tác động tích cực của việc thực hiện dự án; các dự án còn tồn đọng, chưa quyết toán, nêu rõ nguyên nhân, biện pháp khắc phục.

b) Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc

phục ngay trong năm 2020.

c) Đánh giá kết quả thực hiện chế độ cải cách tiền lương, các đơn vị báo cáo các nội dung sau:

- Biên chế, quỹ lương, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn).

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương năm 2020, trong đó làm rõ: nguồn sắp xếp các khoản chi thường xuyên trong phạm vi dự toán NSNN năm 2020 được giao; nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa sử dụng hết năm 2019 chuyển sang năm 2020 (nếu có), nguồn chưa sử dụng hết năm 2020 chuyển sang năm 2021 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có); nguồn thu được để lại theo chế độ theo lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, các Nghị định về tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lĩnh vực.

2.3. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán năm 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện và đề xuất kiến nghị (nếu có).

2.4. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng vốn ngoài nước

Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án ODA và tình hình thực hiện các khoản viện trợ nhỏ, lệ phí dự án: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao so với kế hoạch năm 2020 được duyệt, lũy kế tình hình thực hiện từ khi bắt đầu triển khai; dự kiến các hoạt động có thể hoàn thành và ước tính khả năng giải ngân kinh phí trong năm 2020 (bao gồm cả vốn đối ứng); phân tích các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp để xử lý.

2.5. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chỉ đầu tư phát triển

Các chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cần tập trung đánh giá các nội dung sau:

a) Đánh giá tổng quát tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2020, bao gồm: giá trị khối lượng thực hiện; giá trị đã được nghiệm thu thanh toán; lũy kế vốn; số vốn thanh toán đến hết Quý II/2020 (gồm thanh toán khối lượng hoàn thành và thanh toán tạm ứng vốn đầu tư), dự kiến khối lượng thực hiện đến 31/12/2020 và vốn thanh toán đến 31/01/2021, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án, quá trình thanh toán vốn đầu tư; kiến nghị.

b) Đối với dự án đang triển khai thi công, đẩy nhanh việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư năm 2020. Lưu ý tỷ lệ giải ngân của dự án đến các mốc thời gian được quy định tại Công văn số 2147/BTP-

KHTC ngày 12/6/2020 về việc đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công 2020.

c) Đối với các dự án đã đến thời hạn lập và trình duyệt Quyết toán dự án hoàn thành cần khẩn trương hoàn thiện và trình cấp quyết định đầu tư. Chủ đầu tư đánh giá tình hình quyết toán dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ thời gian dự án đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán, nguyên nhân chủ quan và khách quan; đề xuất giải pháp xử lý từ nay đến 31/12/2020.

d) Các kết quả đã đạt được, các khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020. Các giải pháp, kiến nghị triển khai kế hoạch trong các tháng cuối năm 2020 đảm bảo đúng quy định Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid 19.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

1. Về công tác xây dựng kế hoạch năm 2021

Năm 2021 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, các đơn vị căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của Bộ, ngành Tư pháp; định hướng, nhiệm vụ công tác chủ yếu năm 2021 và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế, chính trị, xã hội tại đơn vị, địa phương để xây dựng kế hoạch năm 2021 của đơn vị cho phù hợp, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ sau:

(1) Hoàn thiện thể chế, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; kiểm tra, rà soát pháp luật.

(2) Tổ chức thi hành pháp luật.

(3) Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(4) Hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, thi hành án.

(5) Phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế; giải quyết tranh chấp thương mại bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, người dân.

2. Xây dựng dự toán NSNN năm 2021

Các đơn vị khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của Ngành, gắn với các nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của cơ quan, đơn vị; lập dự toán NSNN theo đúng các quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trên tinh thần triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Dự toán ngân sách nhà nước phải thuyết minh rõ ràng về cơ sở pháp lý, chi tiết số thu, nhiệm vụ chi.

2.1. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 phải được xây dựng tích cực, theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá khả năng thực hiện thu ngân sách và những yếu tố tác động đến thu năm 2021.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2020, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2021 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn). Đồng thời, lập và thuyết minh chi tiết dự toán chi từ nguồn phí được để lại để phục vụ hoạt động thu phí (ví dụ: chi mua sắm, sửa chữa tài sản, chi bảo trì trụ sở, chi văn phòng phẩm,).

- Đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Các nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị vẫn phải lập dự toán, nhưng tách riêng mục, không đưa chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Lưu ý: Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Cục Bảo trợ Tư pháp, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia lưu ý thực hiện nội dung nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 2.1 để có cơ sở đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khi triển khai thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

2.2. Xây dựng dự toán chi NSNN

2.2.1. Dự toán chi thường xuyên NSNN

2.2.1.1. Yêu cầu lập dự toán chi thường xuyên

- Dự toán chi thường xuyên phải lập theo đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm. Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, mở rộng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

2.2.1.2. Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Chi hoạt động quản lý nhà nước: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

- Số biên chế năm 2021 (bằng số được giao năm 2020 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2021 theo lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán tính đến ngày 30/6/2020, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2020 (nếu có).

- Xác định Quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT, kinh phí công đoàn); (ii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ; (iii) Quỹ lương của số biên chế tinh giản năm 2021.

- Đối với kinh phí tinh giản biên chế, căn cứ quy định tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, các đơn vị lập dự toán kinh phí tinh giản biên chế căn cứ vào tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 và kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế năm 2021.

Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm xây dựng, trình Bộ trưởng kế hoạch tinh giản biên chế năm 2021; tổng hợp và lập dự toán kinh phí tinh giản biên chế năm 2021 của Bộ Tư pháp.

- Đối với kinh phí sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất các đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện tổng hợp chung vào dự toán ngân sách năm 2021 của đơn vị. Hồ sơ tài liệu kèm theo dự toán kinh phí thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính, cụ thể gồm: thuyết minh chi tiết về tên công trình; mục tiêu sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; sự cần thiết, lý do thực hiện; văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền; khối lượng công việc dự kiến; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc; dự toán kinh phí theo các nguồn vốn và phân kỳ thực hiện hàng năm.

- Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2021 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả. Dự toán chi đặc thù xây dựng trên cơ sở tình hình thực hiện ngân sách năm 2020, dự kiến nhiệm vụ năm 2021 (làm rõ các khoản chi chỉ phát sinh năm 2020, không phát sinh năm 2021, các khoản phát sinh tăng theo chế độ, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Đối với các Chương trình, Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cần chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên theo mức độ cần thiết, khả năng triển khai trong năm 2021 để hoàn thành nhiệm vụ chính trị trên cơ sở nguồn lực ngân sách nhà nước được phân bổ. *Đồng thời cần thuyết minh rõ các nội dung: tổng kinh phí được phê duyệt cho Chương trình đề án; dự toán kinh phí đã bố trí, kinh phí đã thực hiện và dự kiến thực hiện đến hết năm 2020; số kinh phí đề*

ng nghị bố trí năm 2021. Một số Chương trình, Đề án có hạn thực hiện đến năm 2021, đề nghị đơn vị bổ sung nội dung đánh giá tổng thể, đề xuất kinh phí cho giai đoạn sau (nếu có).

b) Các đơn vị sự nghiệp

- Kinh phí chi đảm bảo hoạt động thường xuyên: các đơn vị xây dựng trên cơ sở phương án giao quyền tự chủ về tài chính được giao, những thay đổi về cơ chế chính sách ảnh hưởng đến nguồn thu, nhiệm vụ chi của đơn vị trong năm 2021, những nhiệm vụ được bổ sung sau khi Bộ trưởng đã giao quyền tự chủ cho đơn vị.

- Kinh phí chi đảm bảo hoạt động không thường xuyên: các đơn vị lập dự toán, giải trình cơ sở pháp lý và thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán của từng khoản chi đặc thù.

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thuyết minh chi tiết một số khoản chi như:

+ Dự toán chi thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg;

Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên có trách nhiệm gửi Bộ báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách (trong Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của đơn vị) để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí thực hiện chính sách trong năm 2021 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/03/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

+ Dự toán chi thực hiện các đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ...

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thuyết minh cụ thể các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khác của tổ chức khoa học và công nghệ. Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Đơn vị được giao chủ trì xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí nghiên cứu khoa học, sự nghiệp bảo vệ môi trường, sự nghiệp kinh tế, đào tạo bồi

duỡng cán bộ công chức, kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, in sách nhà nước đặt hàng... có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí theo biểu mẫu hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành trình Lãnh đạo Bộ ký gửi các Bộ chuyên ngành theo quy định đồng thời gửi báo cáo Cục Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách chung của Bộ Tư pháp.

2.2.2. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ.

2.2.3. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

- Chủ dự án viện trợ lập kế hoạch tài chính dự án viện trợ (kế hoạch giải ngân vốn viện trợ và vốn đối ứng của các dự án ODA không hoàn lại và dự án viện trợ PCPNN) gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp. Đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp (trường hợp không phải là đơn vị dự toán cấp I) có trách nhiệm xem xét, tổng hợp kế hoạch tài chính của các chương trình, dự án viện trợ (cùng với dự toán ngân sách của các đơn vị cấp dưới trực thuộc) gửi Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) để xem xét, tổng hợp.

- Đối với dự án có nhiều Chủ dự án và có một cơ quan đầu mối điều phối chung việc thực hiện dự án, từng Chủ dự án chịu trách nhiệm lập kế hoạch tài chính cho phần dự án do Chủ dự án thực hiện gửi cơ quan điều phối. Cơ quan điều phối chịu trách nhiệm lập kế hoạch tài chính phần hoạt động do cơ quan điều phối thực hiện, đồng thời tổng hợp kế hoạch tài chính chung của toàn dự án gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp để xem xét tổng hợp gửi Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính). Các chương trình, dự án có con dấu và tài khoản riêng thực hiện việc lập kế hoạch tài chính và gửi trực tiếp về Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) để xem xét, tổng hợp.

- Kế hoạch tài chính dự án viện trợ phải phù hợp với văn kiện dự án viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi phải được thể hiện chi tiết theo từng hợp phần, từng hoạt động chính của dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn tài trợ, vốn đối ứng, vốn tín dụng nếu có) kèm theo báo cáo thuyết minh cụ thể, cơ sở, căn cứ tính toán. Bộ sẽ không bố trí vốn đối ứng và thông báo vốn viện trợ cho các chương trình, dự án viện trợ nước ngoài trong năm 2021 nếu Chủ dự án không lập kế hoạch tài chính của dự án.

2.2.4. Dự toán chi đầu tư công

a) Các chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nghiêm túc, tập trung thực hiện các công việc sau:

- Đẩy nhanh việc lập và trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành các dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng trước và trong năm 2020 theo đúng quy định

Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 2 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

- Quyết liệt đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; xem đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị, đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công 2020 đã được Bộ giao (bao gồm cả kế hoạch vốn năm 2019 được phép kéo dài, giải ngân sang năm 2020).

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng khi để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 của dự án do đơn vị mình làm Chủ đầu tư.

- Chủ động rà soát, thực hiện đồng bộ các quy trình, thủ tục pháp lý để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án; hoàn thiện, thực hiện thanh toán vốn đầu tư trong thời hạn 04 ngày kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu theo quy định. Kịp thời báo cáo Cấp quyết định đầu tư để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của dự án, đặc biệt đối với các dự án có khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Đảm bảo đến ngày 15/8/2020 giải ngân 100% Kế hoạch vốn năm 2019 kéo dài sang năm 2020; đến ngày 15/9/2020, giải ngân được tối thiểu 60% kế hoạch vốn năm 2020 các dự án do Tổng cục quản lý.

- Báo cáo rõ các khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 (nếu có), chủ động đề nghị cấp Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2020 trước ngày 01/9/2020 và đề xuất các điều chỉnh, giải pháp, kiến nghị triển khai kế hoạch trong năm 2021 của dự án.

b) Xây dựng nhu cầu vốn năm 2021 của dự án theo hướng như sau:

- Việc đăng ký nhu cầu vốn năm 2021 phải đảm bảo tính khách quan, đầy đủ cơ sở pháp lý để chứng minh tính khả thi của việc thực hiện hợp đồng; đảm bảo tính hợp lý, đồng bộ công việc giữa các hợp đồng có nội dung hợp đồng liên quan đến nhau, đảm bảo giải ngân 100% nhu cầu vốn năm 2021 theo đúng quy định. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đăng ký nhu cầu vốn năm 2021 của dự án. Trong đó lưu ý:

- Đăng ký 100% kế hoạch vốn để tất toán công nợ cho các dự án đã có quyết định phê duyệt quyết toán trước thời điểm Bộ tổ chức phân bổ Kế hoạch vốn năm 2021.

- Đăng ký kế hoạch vốn cho dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2021 (đủ điều kiện bố trí vốn) đến tối đa 95% kế hoạch vốn trung hạn.

- Đăng ký kế hoạch vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 theo tiến độ, khối lượng hoàn thành của dự án và đăng ký nhu cầu vốn của Chủ đầu tư.

- Đăng ký kế hoạch vốn cho các dự án khởi công mới năm 2021 theo nguyên tắc bố trí đủ điều kiện đấu thầu, khởi công đối với dự án nhóm C; nhóm B theo đúng quy định.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2021-2023

1. Yêu cầu lập kế hoạch

Việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 đảm bảo các yêu cầu sau:

1.1. Căn cứ kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm 30/3/2020, các đơn vị xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước cho 03 năm 2021-2023.

1.2. Việc lập, báo cáo, tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2021.

2. Lập kế hoạch thu NSNN

2.1. Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2020-2022; dự toán thu NSNN năm 2021 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2022, năm 2023; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

2.2. Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các đơn vị căn cứ số dự kiến thu năm 2021 để xây dựng kế hoạch thu năm 2022, năm 2023 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) theo quy định.

2.3. Đối với các khoản thu học phí, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các đơn vị lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2021-2023

3.1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2021-2023 của các đơn vị lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022, số ước thực hiện năm 2020, trong đó thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được phê duyệt.

Bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2021-2023, cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2021-2023, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3.2. Lập kế hoạch chi thường xuyên:

Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Lập kế hoạch chi thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí đã được duyệt giai đoạn 2016-2020; tiến độ thực hiện các năm 2017-2019, lập kế hoạch vốn, kinh phí thực hiện năm 2020-2022.

3.4. Lập kế hoạch chi các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài: Căn cứ các Hiệp định vay nợ, thỏa thuận viện trợ đã ký với nhà tài trợ và cơ chế tài chính của chương trình, dự án; thực tế triển khai các năm 2018-2020; các chủ dự án lập kế hoạch chi cho các chương trình, dự án năm 2021-2023, trong đó chi tiết vốn vay, vốn viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng của từng chương trình, dự án và phù hợp với tính chất sử dụng vốn theo các lĩnh vực chi tương ứng.

3.5. Lập kế hoạch chi đầu tư phát triển

Căn cứ vào thực tế triển khai kế hoạch vốn nguồn NSNN các năm 2018-2020; kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của dự án chuyển tiếp hoặc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của dự án được giao; khả năng giải ngân đạt, không đạt, vượt kế hoạch của từng dự án; các đơn vị kiến nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư các năm 2021-2023 phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển của ngành trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 được duyệt.

IV. VỀ BIỂU MẪU VÀ THỜI GIAN GỬI DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH 03 NĂM 2021-2023

1. Biểu mẫu báo cáo

Ngoài báo cáo tổng hợp đánh giá các nội dung theo hướng dẫn tại Công văn này, các đơn vị thực hiện lập các biểu mẫu sau:

- Biểu mẫu lập dự toán NSNN năm 2021: Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Công văn này.

- Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023: Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Công văn này.

Công văn và các biểu mẫu phục vụ việc lập dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2021-2023 được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp để các đơn vị tra cứu, sử dụng.

2. Thời gian gửi báo cáo

Để kịp thời tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo thời hạn quy định, Bộ yêu cầu các đơn vị gửi dự toán NSNN năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 về Bộ (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) theo thời gian như sau:

- Các đơn vị dự toán thuộc Bộ gửi *trước ngày 30/6/2020*;
- Tổng cục Thi hành án dân sự gửi *trước ngày 05/7/2020*.

Đồng thời gửi file dữ liệu về địa chỉ thư điện tử: quangtt@moj.gov.vn để rà soát, tổng hợp.

Khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023, Bộ Tư pháp sẽ có văn bản hướng dẫn bổ sung.

Bộ thông báo cho đơn vị biết và khẩn trương tổ chức thực hiện./. *vy*

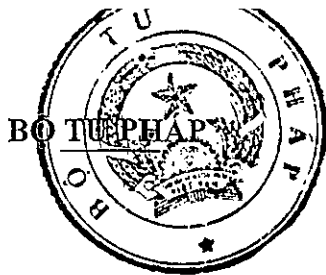
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng (để b/c);
- Các Vụ thuộc Bộ (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG CHỮ
CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Phan Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01

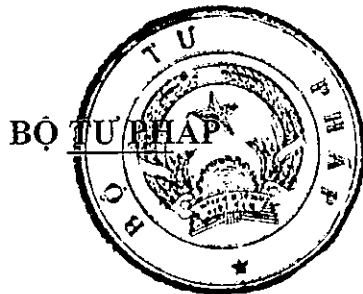
DANH MỤC MẪU BIỂU LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số 28/68/BTP-KHTC ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tư pháp)

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO
Mẫu biểu số 05	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách
Mẫu biểu số 06	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm... chi tiết theo đơn vị trực thuộc	Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách
Mẫu biểu số 07	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 08	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 09	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ và vốn đối ứng năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 10	Dự toán chi bằng ngoại tệ năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 11.1	Dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm ...	Đơn vị sử dụng ngân sách trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 12.1	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên
Mẫu biểu số 12.2	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo cơ quan quản lý cấp trên
Mẫu biểu số 12.3:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên
Mẫu biểu số 12.4:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên
Mẫu biểu số 12.5:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên
Mẫu biểu số 13.1	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 13.3	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 13.7	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 13.8	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế năm ...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 13.9	Chi tiết chi các hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án năm ...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO
Mẫu biểu số 13.10	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 14	Cơ sở tính chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 15.1	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 15.2	Báo cáo lao động - tiền lương - nguồn kinh phí đảm bảo của các đơn vị sự nghiệp năm...	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
2. Mẫu biểu lập dự toán chi đầu tư phát triển		
Mẫu biểu số 23	Dự toán chi đầu tư nguồn NSNN (vốn trong nước) năm	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 24	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát từ NSTW (không bao gồm vốn vay nước ngoài gửi ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 25	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 26	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP (vốn vay trong nước) năm	Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên

Ghi chú: Các biểu mẫu trên quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (đăng tải kèm theo Công văn số 68/68/BTP-KHTC ngày 16/1/2020).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 02

DANH MỤC MẪU BIỂU LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH 03 NĂM

(Kèm theo Công văn số 2/68/BTP-KHTC ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tư pháp)

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	GHI CHÚ
Mẫu biểu số 13	Tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm	
Mẫu biểu số 14	Tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 03 năm	
Mẫu biểu số 15	Nhu cầu chi đầu tư phát triển lĩnh vực giai đoạn 03 năm	
Mẫu biểu số 16	Tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm	
Mẫu biểu số 17	Chi tiết nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm	
Mẫu biểu số 18	Tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và nhu cầu chi mới giai đoạn 03 năm	
Mẫu biểu số 19	Dự kiến số thu phí và chi từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ giai đoạn 03 năm	

Ghi chú: Các biểu mẫu trên quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (đăng tải kèm theo Công văn số 2/68.../BTP-KHTC ngày 16.../6.../2020).